

zhè yàng

this (kind of, sort of) / this way / like this / such 這樣

这 辶 + 4 = 8 zhè, zhèi this, the, here 這

样 木 + 6 = 10 yáng, yàng, xiàng shape, form, pattern, style 樣

这样 zhèyàng -- this (kind of, sort of) / this way / like this / such 這樣

These worksheets created by Elizabeth King September 2009 ©All rights reserved. Permission for use and copy without asking except for profit 8th revision November 2010.

这样
zhèyàng

这样
zhèyàng